TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2023/QĐST-HNGĐ	*TL, ngày 17 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị LÝ;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Ngà;

2. Bà Đào Thị Thanh Tuyền.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1990.

*** Bị đơn**: Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1979.

Đều có HKTT: Đội K, xã DC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Đều cùng địa chỉ: Đường PM, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Đội K, xã DC, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Cháu V Gia B, sinh ngày 18/11/2013;

- Cháu V Gia V, sinh ngày 05/7/2016.

Người đại diện hợp pháp cho cháu B, cháu V: Chị Nguyễn Thị Huyền T, Anh Vũ Tuấn A - Bố mẹ đẻ các cháu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và Anh Vũ Tuấn A thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 18/11/2013 và Vũ Gia V, sinh ngày 05/7/2016. Các đương sự thỏa thuận giao cháu V Gia B cho Anh Vũ Tuấn A và giao cháu V Gia V cho Chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T và Anh Tuấn A không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh Tuấn A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Tuấn A, Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Chị T, anh Tuấn A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị Huyền T và Anh Vũ Tuấn A thống nhất vợ chồng có tài sản chung gồm: 1/2 thửa đất = 48,8m^2 đất tại đường PM, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên, trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng 01 tum và các tài sản khác là vật dụng gia đình như bàn ghế, tủ lạnh, ti vi..;1/2 thửa đất còn lại = 48,8m^2 là tài sản riêng của Chị Nguyễn Thị Huyền T. Ngôi nhà được xây trên đất là tài sản chung của Chị T và Anh Tuấn A và đất là tài sản riêng của Chị T.

Chị Nguyễn Thị Huyền T và nh Vũ Tuấn A thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T quản lý, sử dụng 1/2 thửa đất = 48,8m^2 đất tại đường PM, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên, trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng 01 tum. Chị Nguyễn Thị Huyền T trả chênh lệch tài sản cho anh Vũ Tuấn A số tiền 670.000.000 đồng.

Các tài sản khác là vật dụng gia đình như bàn ghế, tủ lạnh, ti vi..chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Vũ Tuấn A tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Huyền T đã giao tiền, anh Vũ Tuấn A đã nhận đủ số tiền 670.000.000đ *(Sáu trăm bảy mươi triệu đồng)* của chị Nguyễn Thị Huyền T. Sau khi nhận tiền anh Vũ Tuấn A đã bàn giao chìa khóa nhà cho chị Nguyễn Thị Huyền T.

2.4. Về nợ chung: Đối với số nợ 85.000.000 đồng của Bà Trần Thị Ng, chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Vũ Tuấn A tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện nhận chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 33.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cộng bằng 33.835.000đ *(Ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi năm ngàn đồng)* án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 17.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004631 ngày 19/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị Nguyễn Thị

Huyền T còn phải nộp 16.535.000đ *(Mười sáu triệu năm trăm ba mươi năm ngàn đồng)* án phí.

Anh Vũ Tuấn A phải chịu 33.535.000đ (*Ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi năm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã DC (Đăng ký kết hôn số 48 ngày 24/9/2012);
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý